

中華民國馬術協會
各級教練名單

序	級別	姓名	教練證號碼	備註
B1	B級	高健瓏	CB110000500	
B2	B級	馬佳德	0031	
B3	B級	胡耀仁	CB110000496	
B4	B級	馬啟聰	0029	
B5	B級	蕭創益	CB110000489	
B6	B級	陳建宏	B96004	
B7	B級	林富強	B98001	
B8	B級	范智欽	B98002	
B9	B級	石爾斌	B10202	
B10	B級	廖德峯	B10203	
B11	B級	李森浩	B10204	
B12	B級	王曙豪	B10001	
B13	B級	何珮麒	CB110000490	
B14	B級	林健平	B10206	
B15	B級	李志強	B10207	
B16	B級	陳憶涵	B10402	
B17	B級	吳俊昌	B10403	
B18	B級	鄒騰鴻	B10404	
B19	B級	許安成	CB110000509	
B20	B級	黃世昌	CB110000503	
B21	B級	陳志成	CB110000492	
B22	B級	翁琮信	CB110000504	
B23	B級	葉益成	CB110000488	
B24	B級	游峻維	B10410	
B25	B級	郭淑美	CB109000582	
B26	B級	陳怡如	CB110000510	
B27	B級	許安進	B10502	
B28	B級	張貞凱	CB110000494	
B29	B級	夏正芳	B10504	
B30	B級	張兆遠	CB110000493	
B31	B級	陳忠志	B10602	111晉升A級

中華民國馬術協會
各級教練名單

序	級別	姓名	教練證號碼	備註
B32	B級	王柏雄	CB110000497	
B33	B級	謝東龍	CB110000491	
B34	B級	蔡昀達	B10703	
B35	B級	黃瀟逸	B10704	
B36	B級	黃君緯	B10705	
B37	B級	徐惟莞	CB110000502	
B38	B級	郭毓琪	B10707	
B39	B級	柯樺岱	B10708	
B40	B級	黃柏翔	B10709	
B41	B級	顏嘉靜	B10710	
B42	B級	郭力瑜	B10711	
B43	B級	王耀誼	B10712	
B44	B級	王若蘭	CB110000507	
B45	B級	高華聰	CB110000501	
B46	B級	林昀	B10803	
B47	B級	王子櫟	CB110000508	
B48	B級	鄭鈞鴻	B10805	
B49	B級	周火隆	B10806	
B50	B級	石伯琦	CB110000505	
B51	B級	胡家豪	CB110000495	
B52	B級	李志鵬	CB110000506	
B53	B級	吳文偉	CB110000499	
B54	B級	呂冠毅	CB109000581	
B55	B級	陳御龍	CB110000498	
B56	B級	游俊富	CB109000584	
B57	B級	龍貺雲	CB110000487	
B58	B級	吳安達	102.06.30	
B59	B級	楊宏宇		
B60	B級	黃駿傑	99.06.30	
B61	B級	陳國豐	102.06.30	
B62	B級	沈彥佑	101.06.30	
B63	B級	王智逸	CB110000481	
B64	B級	林哲揚	CB110000482	
B65	B級	蔣佳穎	CB110000483	
B66	B級	鍾宜芸	CB110000484	

中華民國馬術協會
各級教練名單

序	級別	姓名	教練證號碼	備註
B67	B級	蘇奕鉸	CB110000485	
B68	B級	陳芄辰	CB111000402	
B69	B級	林祈均	CB111000403	
B70	B級	梁昶仁	CB111000404	
B71	B級	賴嘉慧	CB111000405	
B72	B級	宋心寧	CB112000862	
B73	B級	謝宇桐	CB112000863	
B74	B級	李雨衡	CB112000864	
B75	B級	陳方璞	CB112000865	
B76	B級	蘇志展	CB112000866	
B77	B級	楊君儀	CB112000867	